

Số: 793/QĐ-SYT

Nghệ An, ngày 21 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật bổ sung thực hiện tại
Bệnh viện Nội tiết Nghệ An

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ NGHỆ AN

Căn cứ Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 23/2/2017 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Số 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ Y tế về việc sửa đổi bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư 43/2013/TT-BYT;

Căn cứ Nghị định 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ vào kết quả thẩm định danh mục kỹ thuật và kết luận của Hội đồng chuyên môn Sở Y tế;

Xét đề nghị ông Trưởng phòng Nghiệp Vụ Y, Sở Y tế Nghệ An,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt các kỹ thuật bổ sung thực hiện tại Bệnh viện Nội tiết Nghệ An: 153 kỹ thuật (danh mục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Trên cơ sở phân tuyến kỹ thuật và danh mục kỹ thuật được phê duyệt, Giám đốc Bệnh viện Nội tiết Nghệ An có trách nhiệm triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Các kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt bổ sung, là cơ sở để đơn vị thực hiện và cơ quan Bảo hiểm xã hội Nghệ An thanh toán khám, chữa bệnh và chuyển tuyến cho người bệnh có thẻ bảo hiểm y tế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giao cho phòng Nghiệp Vụ Y và các phòng ban liên quan chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Các ông (bà) trưởng các phòng ban Văn phòng Sở Y tế, Giám đốc đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BHXH tỉnh (p/h);
- Lãnh đạo Sở (b/c);
- Lưu: VT, NVY.

KIỂM GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ Y TẾ
TỈNH NGHỆ AN

Đậu Huy Hoàn

Phụ lục: Danh mục kỹ thuật phê duyệt bổ sung thực hiện tại bệnh viện Nội tiết Nghệ An
 (Ban hành kèm theo Quyết định số 793/QĐ-SYT ngày 21/7/2017 của Sở Y tế)

TT	TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	Phân tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
		I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC				
		A. TUẦN HOÀN				
1.	22	Siêu âm cấp cứu đánh giá tiền gánh tại giường bệnh ở người bệnh sốc	X	X		
2.	28	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường ≤ 8 giờ	X	X	X	X
3.	42	Đặt dẫn lưu màng ngoài tim cấp cứu bằng catheter qua da	X	X		
4.	44	Dẫn lưu màng ngoài tim cấp cứu ≤ 8 giờ	X	X	X	
		B. HÔ HẤP				
5.	87	Khí dung thuốc qua thở máy (một lần)	X	X	X	
6.	148	Thủ thuật huy động phế nang 40/40	X	X		
7.	152	Kỹ thuật thử nghiệm tự thở bằng T-tube				
		C. THẬN LỌC MÁU				
8.	174	Thận nhân tạo cấp cứu	X	X	X	
9.	175	Thận nhân tạo thường qui	X	X	X	
		D. THẦN KINH				
10.	211	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường ≤ 8 giờ	X	X	X	X
		II. NỘI KHOA				
		A. HÔ HẤP				
11.	30	Kỹ thuật ho khạc đờm bằng khí dung nước muối ưu trương	X	X	X	
		B. TIM MẠCH				
12.	74	Chọc dò và dẫn lưu màng ngoài tim	X	X	X	
13.	76	Dẫn lưu màng ngoài tim	X	X	X	
		D. THẬN - TIẾT NIỆU				
14.	169	Chăm sóc sonde dẫn lưu bể thận qua da/lân	X	X	X	
15.	170	Chăm sóc và bảo quản catheter tĩnh mạch trung tâm trong lọc máu	X	X	X	
16.	171	Chăm sóc và bảo quản catheter đường hầm có cuff để lọc máu	X	X	X	
17.	179	Dẫn lưu bể thận qua da cấp cứu	X	X		

18.	180	Dẫn lưu dịch quanh thận dưới siêu âm	x	x		
19.	181	Dẫn lưu nang thận dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		
20.	182	Dẫn lưu bể thận qua da dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
21.	183	Đặt catheter tĩnh mạch cảnh để lọc máu cấp cứu	x	x		
22.	185	Đặt catheter hai nòng tĩnh mạch cảnh trong để lọc máu	x	x		
23.	186	Đặt catheter hai nòng tĩnh mạch dưới đòn để lọc máu	x	x		
24.	187	Đặt catheter một nòng hoặc hai nòng tĩnh mạch đùi để lọc máu	x	x		
25.	191	Đặt catheter tĩnh mạch cảnh để lọc máu cấp cứu	x	x		
26.	211	Nong niệu đạo và đặt sonde đái	x	x		
27.	227	Rút sonde dẫn lưu bể thận qua da	x	x		
28.	228	Rút sonde dẫn lưu tụ dịch- máu quanh thận	x	x		
29.	231	Rút catheter đường hầm	x	x		
		Đ. TIÊU HÓA				
30.	330	Siêu âm can thiệp - đặt ống thông dẫn lưu nang giả tụy	x	x		
31.	337	Thụt thuốc qua đường hậu môn	x	x	x	x
32.	338	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng	x	x	x	x
		IX. GÂY MÊ HỒI SỨC				
		A. CÁC KỸ THUẬT				
33.	71	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang ngoài màng cứng ngực	x	x		
34.	72	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang ngoài màng cứng thắt lưng đường giữa	x	x	x	
35.	73	Kỹ thuật gây tê chọc kim vào khoang ngoài màng cứng thắt lưng, đường bên	x	x	x	
36.	82	Kỹ thuật gây tê đặt kim kết hợp tủy sống - ngoài màng cứng	x	x	x	
37.	104	Kỹ thuật giảm đau bằng thuốc tê-morphinic qua khoang ngoài màng cứng thắt lưng qua bơm tiêm điện	x	x	x	
38.	111	Kỹ thuật giảm đau sau phẫu thuật bằng kết hợp thuốc qua kim tủy sống-ngoài màng cứng (CSE)	x	x		
39.	167	Theo dõi Hct tại chỗ	x	x	x	
40.	168	Theo dõi huyết áp không xâm lấn bằng máy	x	x	x	
41.	169	Theo dõi huyết áp xâm lấn bằng máy	x	x	x	
42.	190	Thông khí qua màng giáp nhân	x	x	x	

		B. GÂY MÊ				
43.	329	Gây mê phẫu thuật cắt bướu thông hỗ trợ qua nội soi	x	x		
44.	346	Gây mê phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay	x	x	x	
45.	369	Gây mê phẫu thuật cắt khối u da lành tính dưới 5cm	x	x	x	
46.	371	Gây mê phẫu thuật cắt khối u da lành tính trên 5cm	x	x	x	
47.	427	Gây mê phẫu thuật cắt rộng tổ chức áp xe vú	x	x	x	
48.	488	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thông có nội soi hỗ trợ	x	x		
49.	514	Gây mê phẫu thuật cắt tuyến cận giáp trong cường tuyến cận giáp nguyên phát do quá sản tuyến hoặc u tuyến hoặc ung thư tuyến cận giáp	x			
50.	515	Gây mê phẫu thuật cắt tuyến cận giáp trong quá sản thứ phát sau suy thận mãn tính	x	X		
51.	560	Gây mê phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm	x	x	x	
52.	561	Gây mê phẫu thuật cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm	x	x	x	
53.	591	Gây mê phẫu thuật cắt u tụy tiết Insulin	x	x		
54.	592	Gây mê phẫu thuật cắt u tụy	x	x		
55.	598	Gây mê phẫu thuật cắt u tuyến ức / nhược cơ	x	x		
		C. HỒI SỨC				
56.	1745	Hồi sức phẫu thuật cắt bướu thông hỗ trợ qua nội soi	x	x		
57.	1978	Hồi sức phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm	x	x	x	
58.	1979	Hồi sức phẫu thuật cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm	x	x	x	
59.	1983	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang giáp lưỡi	x	x		
60.	1984	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang giáp trạng	x	x		
61.	2016	Hồi sức phẫu thuật cắt u tuyến ức / nhược cơ	x	x		
62.	2681	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt gần toàn bộ tuyến giáp trong bệnh basedow.	x	x		
63.	2710	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nhân độc tuyến giáp	x	x		
64.	2711	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt nhân tuyến giáp	x	x		
		D. GÂY TÊ				
65.	3166	Gây tê phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay	x	x	x	
66.	3167	Gây tê phẫu thuật cắt cụt chi	x	x	x	
67.	3247	Gây tê phẫu thuật cắt rộng tổ chức áp xe vú	x	x	x	
68.	4031	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp + eo giáp	x	x		
69.	4032	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp trong bướu giáp nhân	x	x		
70.	4033	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp trong	x	x		

		bướu giáp nhân độc				
71.	4034	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp	x	X		
72.	4038	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bán phần 1 thùy tuyến giáp	x	X		
73.	4039	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thùy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	x	X		
74.	4040	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thùy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc	x	X		
75.	4041	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thùy tuyến giáp	x	X		
76.	4099	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt gần toàn bộ tuyến giáp trong bệnh basedow.	x	X		
77.	4162	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp + nạo hạch cổ 2 bên	x	x		
78.	4163	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	x	x		
79.	4164	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc	x	x		
80.	4165	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp.	x	x		
81.	4166	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp	x	x		
		X. NGOẠI KHOA				
		G. CHẤN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH				
		12. Vùng cổ tay-bàn tay				
82.	862	Phẫu thuật làm móm cụt ngón và đốt bàn ngón	x	x	x	
83.	864	Phẫu thuật tháo khớp cổ tay	x	x		
		XI. BÔNG				
		A. ĐIỀU TRỊ BÔNG				
		1. Thay băng bông				
84.	5	Thay băng điều trị vết bông dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x	x
85.	12	Thay băng và chăm sóc vùng lầy da	x	x	x	
86.	13	Sử dụng thuốc tạo màng điều trị vết thương bông nông	x	x	x	x
		3. Các kỹ thuật khác				
87.	77	Khám bệnh nhân bông, chẩn đoán diện tích và độ sâu bông bằng lâm sàng	x	x	x	x
88.	79	Sơ cứu, cấp cứu tổn thương bông nhiệt	x	x	x	x
89.	81	Sơ cấp cứu bông do vôi tôi nóng	x	x	x	x
90.	82	Sơ cấp cứu bông acid	x	x	x	x
91.	83	Sơ cấp cứu bông do dòng điện	x	x	x	x
92.	84	Chẩn đoán và điều trị sốc bông	x	x	x	

93.	85	Chẩn đoán và cấp cứu bóng đường hô hấp	x	x	x	
94.	86	Chẩn đoán và cấp cứu bóng đường tiêu hóa	x	x	x	
95.	87	Mở khí quản cấp cứu qua tổn thương bóng	x	x	x	
96.	88	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm bù dịch điều trị sốc bóng	x	x		
97.	89	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị bệnh nhân bóng	x	x	x	x
XVIII. ĐIỆN QUANG						
A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN						
1. Siêu âm đầu, cổ						
98.	5	Siêu âm đàn hồi nhu mô tuyến giáp	x			
7. Siêu âm vú						
99.	56	Siêu âm đàn hồi mô vú	x			
8. Siêu âm bộ phận sinh dục nam						
100.	60	Siêu âm Doppler dương vật	x			
9. Siêu âm với kỹ thuật đặc biệt						
101.	65	Siêu âm đàn hồi mô (gan, tuyến vú...)	x			
C. CHỤP CẮT LỚP VI TÍNH CHẨN ĐOÁN (CT)						
1. Chụp cắt lớp vi tính vùng đầu mặt cổ từ 1-32 dãy						
102.	149	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
103.	150	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
104.	151	Chụp CLVT hệ động mạch cảnh có tiêm thuốc cản quang	x	x		
105.	153	Chụp CLVT mạch máu não	x	x		
106.	160	Chụp CLVT hốc mắt	x	x	x	
4. Chụp cắt lớp vi tính vùng ngực từ 1- 32 dãy						
107.	191	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
108.	192	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
109.	193	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao	x	x	x	
110.	196	Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi	x	x		
111.	197	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ ngực	x	x		
112.	198	Chụp cắt lớp vi tính động mạch vành, tim	x	x		
113.	199	Chụp cắt lớp vi tính tính điểm vôi hóa mạch vành	x	x		
7. Chụp cắt lớp vi tính vùng bụng, tiểu khung từ 1-32 dãy						
114.	219	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp Cắt lớp vi tính gan-mật, tụy, lách, dạ dày-tá tràng.v.v.)	x	x	x	

115.	220	Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiểu khung thường quy	x	x	x	
116.	221	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung-buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.)	x	x	x	
117.	222	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy	x	x	x	
118.	223	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u)	x	x		
119.	224	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu có khảo sát mạch thận và/hoặc dựng hình đường bài xuất	x	x		
120.	227	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) không dùng sonde	x	x		
121.	228	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) có dùng sonde	x	x		
122.	229	Chụp cắt lớp vi tính đại tràng (colo-scan) dùng dịch hoặc hơi có nội soi ảo	x	x		
123.	230	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ-chậu	x	x		
		10. Chụp cắt lớp vi tính cột sống, xương khớp từ 1-32 dãy				
124.	255	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
125.	256	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
126.	257	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
127.	258	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
128.	259	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
129.	260	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
130.	261	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
131.	264	Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	x
132.	265	Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản quang	x	x		
133.	266	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi trên	x	x		
134.	267	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi dưới	x	x		
		Đ. KỸ THUẬT ĐIỆN QUANG MẠCH MÁU VÀ CAN THIỆP				
		5. Sinh thiết, chọc hút và điều trị dưới hướng dẫn siêu âm				
135.	624	Chọc hút nang, tiêm xơ dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		

136.	628	Chọc hút dịch màng tim dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		
137.	629	Chọc hút ổ dịch, áp xe dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
138.	631	Chọc mạch máu dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		
139.	632	Dẫn lưu các ổ dịch trong ổ bụng dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		
140.	633	Dẫn lưu dịch, áp xe, nang dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
XXIII. HÓA SINH						
A. MÁU						
141.	9	Đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase)	x	x	x	
142.	11	Định lượng Amoniac (NH ₃)	x	x		
143.	36	Định lượng Calcitonin	x	x		
144.	104	Định lượng Lactat (Acid Lactic)	x	x		
145.	110	Định lượng LH (Luteinizing Hormone)	x	x		
146.	111	Đo hoạt độ LDH (Lactat dehydrogenase)	x	x		
147.	116	Đo hoạt độ MPO	x			
148.	122	Đo hoạt độ P-Amylase	x			
149.	143	Định lượng Sắt	x	x	x	
D. THỦY DỊCH MẮT						
150.	211	Định lượng Albumin	x	x		
151.	212	Định lượng Globulin	x	x		
XXV. GIẢI PHẪU BỆNH VÀ TẾ BÀO HỌC						
152.	90	Xét nghiệm sinh thiết tức thì bằng cắt lạnh	x	x		
XXVII. PHẪU THUẬT NỘI SOI						
153.	83	Phẫu thuật nội soi cắt - đốt hạch giao cảm ngực	x	x		

SỞ Y TẾ NGHỆ AN